

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 01 – 2023

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thiện.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Hải

2. Ông Nguyễn Lâm Tới

- Thư ký phiên tòa: ông Đặng Văn Tâm - Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên tham gia phiên tòa: bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/01/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị K, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 5, ấp VP, xã VH, huyện CT, tỉnh An Giang - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* ông Trần Thanh Tr, sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ 4, ấp TĐ, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05 tháng 9 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị K trình bày: Do quen biết và tìm hiểu, nên năm 1997 được sự chấp thuận của cha mẹ hai bên, bà và ông Tr chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Tr không lo làm ăn lo cho vợ con mà còn thường xuyên

đánh đập bà. Mặc dù đã nhiều lần khuyên can và chịu đựng nhưng ông Tr không thay đổi, nên hai người sống ly thân từ tháng 3/2009 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn , mục đích hôn nhân không đạt , không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông Tr .

Bà K và ông Tr có 02 con chung tên: Trần Thanh H, sinh ngày 30/4/1998 (đã trưởng thành và tự lập), và Trần Thúy O, sinh ngày 23/11/2005, hiện cháu O đang sống với bà K. Ly hôn, bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thúy O, không yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh Tr được Tòa án gửi các văn bản tố tụng, triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông Tr đều vắng mặt mà cũng không có gửi kiến cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tỉnh An Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tại các Điều 70,71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: không công nhận bà Lê Thị K và ông Trần Thanh Tr là vợ chồng.

+ Về con chung: giao con chung tên Trần Thúy O, sinh ngày 23/11/2005 cho bà K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy, ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà K không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

Bà K có yêu cầu xin ly hôn với ông Tr hiện có nơi cư trú và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 4, ấp TĐ, xã TL, huyện TB, tỉnh An Giang. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên, theo qui định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà K có đơn xin xét xử vắng mặt , ông Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2].Về nội dung

[2.1].Quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị K và ông Trần Thanh Tr tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo bà K cho rằng cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Tr không lo làm ăn mà con thường xuyên hành hung đánh đập bà, mặc dù đã nhiều lần khuyên can và chịu đựng nhưng ông Tr không thay đổi, nên hai người sống ly thân từ tháng 3/2009 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn , mục đích hôn nhân không đạt, nên bà K yêu cầu ly hôn với ông Tr.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì : “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”, và theo khoản 2 Điều 53 qui định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Bà K và ông Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị K đối với ông Trần Thanh Tr không được chấp nhận mà Tòa án tuyên bố không công nhận bà Lê Thị K và ông Trần Thanh Tr là vợ chồng.

[2.2].Về con chung: bà K và ông Tr có 02 con chung tên: Trần Thanh H, sinh ngày 30/4/1998 (đã trưởng thành và tự lập), và Trần Thúy O, sinh ngày 23/11/2005, hiện cháu O đang sống với bà K. Ly hôn, bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thúy O, không yêu cầu ông Tr phải cấp dưỡng nuôi con, và tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/11/2022 cháu Trần Thúy O có ý kiến nếu cha mẹ ly hôn thì nguyên vọng được sống chung với mẹ là bà K. Do vậy, yêu cầu về việc nuôi con chung của bà K là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được công nhận.

Việc nuôi dạy con không cố định, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà K khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị K và ông Trần Thanh Tr là vợ chồng.

Về con chung: giao cháu Trần Thúy O, sinh ngày 23/11/2005 cho bà K được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, ông Trần Thanh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: bà Lê Thị K chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008664, ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, như vậy bà K đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tịnh Biên;
- THADS huyện Tịnh Biên;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiện